

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **149/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-3-2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Thịnh Quang Thắng.

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tuấn Anh

2/ Bà Nguyễn Thanh Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 28/2020/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2020. Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST ngày 23/3/2020. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân H, sinh năm 1976; Có mặt

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1971; Vắng mặt

Đều cư trú : Thôn M, xã L, huyện Đ, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2020, các lời khai bổ sung, chị Nguyễn Thị Vân H - nguyên đơn trình bày:**

Về tình cảm: Chị với anh Bùi Văn C kết hôn ngày 30/11/1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình tại Thôn M, xã L, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống anh C thường xuyên rượu chè say xỉn bởi đánh đập chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Đến năm 2017, tình trạng trên của anh C diễn ra nhiều và thường xuyên hơn khiến cho vợ chồng căng thẳng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Từ đó vợ chồng chị cũng ly thân. Chị về ở trên đất của nhà ngoại, còn anh C ở nhà riêng nhưng vẫn cùng làng. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện. Đến nay vợ chồng chị mỗi người một nhà, không ai quan tâm hay

có trách nhiệm gì với nhau cả. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh C, chị xin ly hôn anh C. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 25/3/1996 và Bùi Văn T1, sinh ngày 14/3/1999. Hiện các con chung đã thành niên có gia đình và có công ăn việc làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Anh Bùi Văn C là bị đơn trình bày:** Anh không đồng ý ly hôn chị H vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng phải ly hôn. Anh cho rằng lý do chị H ly hôn là chị ra ngoài có nhiều mối quan hệ với nhiều người nên chị H xin ly hôn anh. Vợ chồng cũng đã ly thân được nhiều tháng nay. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 25/3/1996 và Bùi Văn T1, sinh ngày 14/3/1999. Nếu phải ly hôn, các con đã thành niên có gia đình và có công ăn việc làm nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Nếu phải ly hôn anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

+ Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh C; Về con chung: vợ chồng có 02 con chung đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì. Bị đơn không chấp quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án nên cần kiến nghị, nhắc nhở.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy căn cứ xin ly hôn của chị H là hợp pháp, việc chị H xin ly hôn anh C là có căn cứ nên được chấp nhận. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 25/3/1996 và Bùi Văn T1, sinh ngày 14/3/1999. Các con chung của anh chị đã thành niên và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu cả

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật:** Chị H có đăng ký kết hôn với anh Bùi Văn C 30/11/1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, Hà Nội. Chị H xin ly hôn anh Bùi Văn C. Anh C hiện đang cư trú tại thôn M, xã L, huyện Đ, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật

tổ tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về tố tụng:** Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh Bùi Văn C là bị đơn đến Tòa án làm việc nhưng anh C đều vắng mặt. Anh C vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết, hòa giải đoàn tụ, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh Bùi Văn C nhưng anh C vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn C là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị H và anh C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là theo chị H khai là anh C thường xuyên rượu chè say chửi bới đánh đập chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Anh C cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh C, chị H đều xác định vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn, anh C không đồng ý. Việc anh C trình bày là vợ chồng không có mâu thuẫn gì và muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng anh C không đến Tòa làm việc, Tòa án triệu tập anh C nhiều lần lên để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh C vẫn vắng mặt và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này thể hiện anh C không có ý muốn đoàn tụ vợ chồng nên việc anh không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ là không thể thực hiện được. Do đó, xét mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã quá căng thẳng và trầm trọng không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn với anh C là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị H, anh C có 02 con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 25/3/1996 và Bùi Văn T1, sinh ngày 14/3/1999. Các con chung của anh chị đã thành niên và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Vân H đối với anh Bùi Văn C. Chị Nguyễn Thị Vân H được ly hôn anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Chị H, anh C có 02 con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 25/3/1996 và Bùi Văn T1, sinh ngày 14/3/1999. Các con chung của anh chị đã thành niên và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2018/0015323 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Vân H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Đông Anh
- THA Đông Anh.
- TAND thành phố Hà Nội
- UBND xã L
- Lưu hồ sơ.

Thịnh Quang Thắng